TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 70/2019/DS-ST.
Ngày: 04/9/2019.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Khoa;

2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: số 368, ấp H, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

1.2. Bà Lê Thị Lệ T1, sinh năm 1966;

Địa chỉ: số 416, ấp H, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà Lê Thị Lệ T1, bà Nguyễn Thị Lệ T là Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: số 477A/24, khóm B, phường K, thành

phố L, tỉnh An Giang. Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/4/2019 và ngày 04/4/2019), (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Phong Ph, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (bà Lê Thị Lệ T1) ông Nguyễn Văn P trình bày: Do quen biết nên ngày 05/9/2018, bà T1 có cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 210.000.000 đồng, đến ngày 07/11/2018 tiếp tục vay thêm 50.000.000 đồng. Cả 02 lần vay này bà N dùng để đáo nợ ngân hàng, thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Khi vay có làm biên nhận, bà N có ký tên vào biên nhận. Khi cần sử dụng số tiền nói trên, thì bà Thủy có yêu cầu bà N trả lại nhiều lần. Bà N hứa trả nhưng không thực hiện. Từ ngày vay đến nay, bà N không đóng lãi và trả vốn gốc cho bà T1. Nay bà T1 yêu cầu bà Nguyễn Thị N, ông Lê Phong Ph (là chồng bà N) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay tổng cộng 260.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 07/11/2018 đến ngày xét xử.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Lệ T) ông Nguyễn Văn P trình bày: Do quen biết nên ngày 27/8/2018, bà T có cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích bà N vay để đáo nợ ngân hàng và mua bán, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Khi vay có làm biên nhận, bà N có ký tên vào biên nhận. Khi cần sử dụng số tiền nói trên, thì bà T có yêu cầu bà N trả lại nhiều lần. Bà N hứa trả nhưng không thực hiện. Từ ngày vay đến nay, bà N không đóng lãi và trả vốn gốc cho bà T. Nay bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị N, ông Lê Phong Ph (là chồng bà N) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay tổng cộng 200.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 27/8/2018 đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Lệ T1 có ý kiến rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu tính lãi suất. Không yêu cầu bà N, ông Ph trả lãi suất, chỉ yêu cầu bà N, ông Ph có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay tổng cộng 260.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T có ý kiến rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Rút lại số tiền 70.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi suất. Không yêu cầu bà N, ông Ph trả số tiền 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu bà N và ông Ph có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 130.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 78/2019/QĐ-BPKCTT ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới về "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bà N và ông Ph.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phong Ph được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngày 27/8/2018, bà Nguyễn Thị Lệ T có cho bà Nguyễn Thị N vay 200.000.000 đồng; các ngày 05/9/2018, 07/11/2018, bà Lê Thị Lệ T1 có cho bà Nguyễn Thị N vay tổng cộng 260.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận nợ, mục đích vay đáo hạn ngân hàng. Nay, bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu bà N, ông Lê Phong Ph (chồng bà N) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 200.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất từ ngày 27/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm; bà Lê Thị Lệ T1 yêu cầu bà N, ông Lê Phong Ph (chồng bà N) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 260.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất từ ngày 07/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông P đại diện ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Lệ T rút lại một phần yêu cầu chỉ yêu cầu bà N, ông Ph trả 130.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Riêng, bà Lê Thị Lệ T1 rút lại yêu cầu tính lãi suất. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên công nhận.

Phía bà N, ông Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa các bà Nguyễn Thị Lệ T, Lê Thị Lệ T1 với bà N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và thể hiện bằng các biên nhận nợ ngày 27/8/2018, 05/9/2018, 07/11/2018 có chữ ký của bà N nên việc bà Nguyễn Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu trả 130.000.000 đồng và bà Lê Thị Lệ T1 khởi kiện yêu cầu trả 260.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Đối với ông Lê Phong Ph, do số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại nên việc bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu ông Ph liên đới cùng bà N trả số tiền 130.000.000 đồng và bà Lê Thị Lệ T1 yêu cầu ông Ph liên đới cùng bà N trả số tiền 260.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, xem xét:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các bà Nguyễn Thị Lệ T, Lê Thị Lệ T1.

Buộc ông Lê Phong Ph, bà Nguyễn Thị N liên đới trả bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 130.000.000 đồng.

Buộc ông Lê Phong Ph, bà Nguyễn Thị N liên đới trả bà Lê Thị Lệ T1 số tiền 260.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T đối với số tiền 70.000.000 đồng và lãi suất.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lệ T1 đối với yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị N. Bà N có nơi cư trú ấp H, xã A, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phong Ph được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông Ph là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Lệ T1, bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu bà N, ông Ph trả số tiền vay. Do vậy, vụ án được xác định là tranh chấp Hợp đồng dân sự về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Lệ T1 có ý kiến rút yêu cầu tính lãi suất. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T có ý kiến rút một phần yêu cầu đối với số tiền 70.000.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và đây là quyền tự định đoạt của đương sự. Căn cứ Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Lệ T1 yêu bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 260.000.000, bà Nguyễn Thị Lệ T yêu bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 200.000.000. Bà Lê Thị Lệ T1 cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy nhận nợ ngày 05/9/2018 với số tiền

210.000.000 đồng, giấy nhận nợ ngày 07/11/2018 với số tiền 50.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Lệ T cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy nhận nợ ngày 27/8/2018 với số tiền 200.000.000 đồng, các giấy nhận nợ này đều có chữ ký tên của bà N. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà N tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà N vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có đủ cơ sở xác định các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và việc bà N đã vay tiền của của bà Lê Thị Lệ T1 210.000.000 đồng vào ngày 05/9/2018 và 50.000.000 đồng vào ngày 07/11/2018, tổng cộng 260.000.000 đồng và bà N đã vay tiền của của bà Nguyễn Thị Lệ T 200.000.000 đồng vào ngày 27/8/2018 là có thật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho các nguyên đơn nên bà Lê Thị Lệ T1 khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền vốn vay tổng cộng là 260.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền vốn vay 200.000.000 đồng, do bà N đã trả cho bà Nguyễn Thị Lệ T được số tiền 70.000.000 đồng nên hiện nay bà Nguyễn Thị Lệ T chỉ yêu cầu bà N trả số tiền 130.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của các nguyên đơn về việc yêu cầu ông Ph cùng với bà N trả số tiền vay 260.000.000 đồng cho bà Lê Thị Lệ T1, trả 130.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Lệ T. Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng vay tài sản được xác lập với bà Lê Thị Lệ T1, bà Nguyễn Thị Lệ T với bà N, ông Ph không tham gia cùng với bà Lê Thị Lệ T1, bà Nguyễn Thị Lệ T trong các giao dịch này. Tuy nhiên, ông Ph và bà N là vợ chồng, mặc dù tại thời điểm xác lập các giao dịch trên ông Ph không biết và không tham gia cùng với bà N, nhưng số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và theo ông P (người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn) trình bày thì mục đích bà N vay tiền của các nguyên đơn để mua bán và đáo nợ ngân hàng. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014 buộc ông Ph cùng có trách N liên đới với bà N trả cho bà Lê Thị Lệ T1 số tiền vay 260.000.000 đồng, trả cho bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền vay 130.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Đối với yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bà N, ông Ph. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ những phân tích trên đã có đủ cơ sở xác định bà N, ông Ph là người phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị Lệ T1, bà Nguyễn Thị Lệ T nên cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 78/2019/QĐ-BPKCTT ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới về "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" để đảm bảo việc thi hành án. Đối với Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số

77/2019/QĐ-BPBĐ ngày 05/4/2019, hiện nay việc thực hiện biện pháp bảo đảm trên là không còn cần thiết nên cần hủy Quyết định này và bà Lê Thị Lệ T1, bà Nguyễn Thị Lệ T được nhận lại số tiền 98.000.000 đồng mà các bà đã thực hiện biện pháp bảo đảm tại tài khoản phong tỏa số 6711205008706 tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà N, ông Ph phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lệ T1 đối với bà Nguyễn Thị N và ông Lê Phong Ph.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Phong Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Lệ T1 số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T đối với bà Nguyễn Thị N và ông Lê Phong Ph.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Phong Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 78/2019/QĐ-BPKCTT ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới về "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" để đảm bảo việc thi hành án.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 77/2019/QĐ-BPBĐ ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới. Bà Lê Thị Lệ T1 và bà Nguyễn Thị Lệ T được nhận lại số tiền 98.000.000 đồng (Chín mươi tám triệu đồng) mà các bà

đã thực hiện biện pháp bảo đảm tại tài khoản phong tỏa số 6711205008706 tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Phong Ph phải chịu 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

Hoàn lại cho bà Lê Thị Lệ T1 tiền tạm ứng án phí 6.500.000 (Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0012842, ngày 29/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Phong Ph phải chịu 6.500.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Lệ T tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0012865, ngày 04/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư